Giới thiệu Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2026

ISSN: 2734-9195 10:41 04/06/2026

Việc triển khai đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ nêu trên sẽ góp phần đưa Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2026 nhanh chóng đi vào cuộc sống, phát huy đầy đủ giá trị và ý nghĩa của Luật, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước và hội nhập quốc tế trong giai đoạn mới.

Luật Tín ngưỡng, tôn giáo số 07/2026/QH16 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XVI, kỳ họp thứ Nhất thông qua ngày 23/4/2026. Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2026 (sau đây gọi tắt là Luật) có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2027 thay thế Luật Tín ngưỡng, tôn giáo số 02/2016/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 84/2025/QH15.

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

a) Cơ sở chính trị

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng khẳng định phát huy mạnh mẽ vai trò chủ thể của Nhân dân, dân chủ xã hội chủ nghĩa và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc: *"Xây dựng và thực hiện các cơ chế, chính sách cụ thể nhằm thực hiện các mục tiêu xây dựng đối với các giai cấp, tầng lớp nhân dân; các chính sách về dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng và người Việt Nam ở nước ngoài"; "Hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo".*

Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IX) về công tác tôn giáo; Chỉ thị số 18-CT/TW ngày 10/01/2018 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW yêu cầu: Tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo. Sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật có liên quan đến tôn bảo đảm đồng bộ với pháp luật về tôn giáo và các công ước quốc tế mà Việt Nam tham gia; Tăng cường công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận và tham khảo kinh nghiệm quốc tế về công tác tôn giáo, góp phần cung cấp luận cứ khoa học cho việc xây dựng, hoàn thiện và thực hiện các quan điểm, chủ trương, chính sách, pháp luật đối với tôn giáo; Nghiêm cấm sự phân biệt đối xử với công dân vì lý do tín ngưỡng, tôn giáo. Đồng thời, nghiêm cấm lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động mê tín dị đoan, hoạt động trái pháp luật và chính sách của Nhà nước, kích động chia rẽ nhân dân, chia rẽ các dân tộc, gây rối, xâm phạm an ninh quốc gia; Phát huy những giá trị văn hoá, đạo đức tốt đẹp và nguồn lực của tôn giáo cho quá trình phát triển đất nước.

Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đã chỉ rõ: *"cần tập trung hoàn thiện hệ thống pháp luật trên tất cả các lĩnh vực, tháo gỡ kịp thời khó khăn, vướng mắc, khơi dậy, phát huy tiềm năng và nguồn nhân lực, tạo động lực mới cho sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước, phát huy dân chủ, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân,...;".*

Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới: *"khẩn trương sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật đáp ứng yêu cầu thực hiện chủ trương tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính, gắn với phân cấp, phân quyền..."*; đồng thời đặt ra yêu cầu đổi mới tư duy xây dựng pháp luật: *"... phát huy dân chủ, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ hiệu quả quyền con người, quyền công dân;... về cơ bản các luật khác, nhất là luật điều chỉnh các nội dung về kiến tạo phát triển chỉ quy định những vấn đề khung, những vấn đề có tính nguyên tắc thuộc thẩm quyền của Quốc hội, còn những vấn đề thực tiễn thường xuyên biến động thì giao Chính phủ, Bộ, ngành, địa phương quy định để bảo đảm linh hoạt, phù hợp với thực*

tiễn”.

Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026, Kết luận Hội nghị lần thứ 2 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng "2 con số" yêu cầu: *“Phân cấp, phân quyền tối đa, thực chất gắn với cải cách thủ tục hành chính”; “chuyển mạnh phương thức quản lý nhà nước từ "tiền kiểm" sang "hậu kiểm"; “Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; chuẩn hoá, số hoá toàn bộ quy trình giải quyết thủ tục trên môi trường số, liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan; rút ngắn tối đa thời gian, chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp”.*

b) Cơ sở pháp lý

Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo là quyền cơ bản của con người được ghi nhận trong Tuyên ngôn thế giới về quyền con người năm 1948 và Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966 mà Việt Nam là thành viên. Hiến pháp năm 2013 quy định *“Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào, các tôn giáo bình đẳng trước pháp luật. Nhà nước tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Không ai được xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để vi phạm pháp luật”* (Điều 24); Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15.

Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội khoá XV quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, tạo cơ sở pháp lý cho việc tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp đã quy định *“Cơ quan, người có thẩm quyền phải ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn để xử lý các văn bản chịu sự tác động do sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, bảo đảm hoàn thành trước ngày 01 tháng 3 năm 2027”.*

Nghị quyết số 105/2025/UBTVQH15 ngày 26/9/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Chương trình lập pháp năm 2026, trong đó giao Chính phủ trình Quốc hội xem xét, thông qua Luật Tín ngưỡng, tôn giáo (sửa đổi) để thay thế Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016.

Nghị quyết 89/NQ-CP ngày 05/4/2026 Nghị quyết phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 3 năm 2026 và Hội nghị Chính phủ với địa phương: *“Tiếp tục rà soát, đề xuất phân cấp việc thực hiện thủ tục hành chính, bảo đảm cấp bộ chỉ thực hiện không quá 30% tổng số thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý, gửi Bộ Tư pháp trước ngày 10 tháng 4 năm 2026”*.

2. Cơ sở thực tiễn và nhu cầu cấp thiết ban hành Luật

Qua hơn 08 năm thi hành, Luật năm 2016 đã góp phần quan trọng trong việc bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của cá nhân, tổ chức, đồng thời tăng cường tính công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan nhà nước. Tuy nhiên, trước yêu cầu cấp bách của việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy nhà nước, cải cách mạnh mẽ thủ tục, phương thức điều hành hành chính, đồng thời, đẩy mạnh việc ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý nhà nước, Luật năm 2016 đã phát sinh một số hạn chế, khó khăn, cụ thể:

Thứ nhất, Luật năm 2016 chưa có quy định về nguyên tắc, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân khi thực hiện hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên không gian mạng. Trong bối cảnh hiện nay, hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên không gian mạng không chỉ là vấn đề mới mà còn là thực tế tất yếu trong kỷ nguyên số, đặt ra yêu cầu cần thiết phải quy định pháp lý đầy đủ, toàn diện về hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên không gian mạng, quy định cụ thể quyền, trách nhiệm của cá nhân, tổ chức khi thực hiện hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên không gian mạng; trách nhiệm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và trách nhiệm của doanh nghiệp viễn thông trong việc ngăn chặn các nội dung vi phạm về tín ngưỡng, tôn giáo.

Thứ hai, để vận hành mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, trong bối cảnh chưa sửa đổi được Luật năm 2016, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 124/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp; phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo. Theo đó, Nghị định số 124/2025/NĐ-CP sẽ hết hiệu lực kể từ ngày 01/3/2027. Bên cạnh đó, Bộ Dân tộc và Tôn giáo được thành lập trên cơ sở Ủy ban Dân tộc tiếp nhận thêm chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về tôn giáo từ Bộ Nội vụ. Do vậy, Luật năm 2016 cần được sửa đổi, bổ sung để thực hiện phân quyền, phân cấp phù hợp, tiếp tục bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và hoàn thiện các biện pháp quản lý nhà nước trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo trong tình hình mới.

Thứ ba, thực tiễn công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo thời gian qua gặp những khó khăn, vướng mắc do một số vấn đề chưa có quy định của pháp luật điều chỉnh hoặc điều chỉnh chưa rõ ràng, một số hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo chưa có biện pháp quản lý như: (i) nhiều địa điểm, cơ sở của cá nhân hoặc do doanh nghiệp đầu tư xây dựng có tổ chức hoạt động tín ngưỡng và người thực hiện các hoạt động này đã thực hiện việc đăng ký hoạt động tín ngưỡng với cơ quan nhà nước có thẩm quyền; (ii) về quản lý nhà nước đối với sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài trong các khu khu đô

thị, công nghiệp, khu kinh tế,... (iii) về đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc để tạo thuận lợi cho tất cả các tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo; ... cần thiết phải bổ sung biện pháp quản lý nhà nước trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo.

Thứ tư, yêu cầu về cải cách hành chính, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian xử lý và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính là cần thiết.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU CHÍNH SÁCH HƯỚNG TỚI

1. Quan điểm xây dựng Luật

a) Bám sát và tiếp tục thể chế hoá đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng về phát huy rộng rãi dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của Nhân dân, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; thúc đẩy công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan nhà nước, góp phần phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung, thống nhất, chặt chẽ, toàn diện của Đảng trong quá trình xây dựng Luật; tiếp tục thực hiện chủ trương *"Luật chỉ quy định các vấn đề mang tính ổn định, có giá trị lâu dài; quy định cụ thể các nội dung liên quan đến quyền con người, quyền, nghĩa vụ của công dân".*

b) Bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của hệ thống pháp luật; tuân thủ đúng quy trình soạn thảo Luật theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

c) Bảo đảm tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên; tham khảo, nghiên cứu học hỏi có chọn lọc các kinh nghiệm phù hợp của pháp luật nước ngoài về tín ngưỡng, tôn giáo, bảo đảm tính khả thi của Luật trong điều kiện kinh tế - xã hội Việt Nam hiện nay.

2. Mục tiêu xây dựng Luật

Việc ban hành Luật thay thế Luật năm 2016 nhằm: (1) Khắc phục những hạn chế, bất cập trong quá trình tổ chức thực hiện Luật năm 2016 trong thời gian qua, đồng thời kế thừa các quy định còn phù hợp của Luật năm 2016, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho cá nhân, tổ chức thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; (2) Hoàn thiện các quy định của Luật năm 2016 bị tác động bởi chủ trương sắp xếp, tổ chức bộ máy, bảo đảm hệ thống các cơ quan, người có thẩm quyền

hoạt động liên tục, thông suốt, không bị gián đoạn; (3) Tiếp tục thực hiện phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và đơn giản hoá thủ tục hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo. Góp phần tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, bảo đảm phù hợp với chủ trương tổ chức bộ máy quản lý nhà nước thời gian qua và trong giai đoạn sắp tới.

III. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT

1. Bố cục của Luật

Luật gồm 09 chương, 61 điều, cụ thể như sau:

- Chương I. Những quy định chung, gồm 08 điều (từ Điều 1 đến Điều 8) quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng; giải thích từ ngữ; nguyên tắc hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo; trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo đảm thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; hợp tác quốc tế trong công tác tín ngưỡng, tôn giáo; trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội; các hành vi bị nghiêm cấm và hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên không gian mạng.

- Chương II. Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, gồm 05 điều (từ Điều 9 đến Điều 13) quy định về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người; quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam; quyền của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc; quyền của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo và nghĩa vụ của tổ chức, cộng đồng dân cư, cá nhân trong thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo.

- Chương III. Hoạt động tín ngưỡng, gồm 05 điều (từ Điều 14 đến Điều 18) quy định về người đại diện, ban quản lý cơ sở tín ngưỡng; thông báo, đăng ký hoạt động tín ngưỡng; tổ chức lễ hội tín ngưỡng định kỳ; tổ chức lễ hội tín ngưỡng lần đầu, lễ hội tín ngưỡng được khôi phục hoặc lễ hội tín ngưỡng định kỳ nhưng có thay đổi và quản lý, sử dụng khoản thu từ việc tổ chức lễ hội tín ngưỡng.

- Chương IV. Đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung, đăng ký hoạt động tôn giáo, gồm 02 điều (Điều 19 và Điều 20) quy định về điều kiện, thẩm quyền chấp thuận, thu hồi văn bản chấp thuận đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung; điều kiện, thẩm quyền chấp thuận, thu hồi văn bản chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo.

- Chương V. Tổ chức tôn giáo, gồm 18 điều (từ Điều 21 đến Điều 38) quy định về công nhận, giải thể tổ chức tôn giáo; thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp

nhất, giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc; phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử, thuyên chuyển, cách chức, bãi nhiệm, đình chỉ chức sắc, chức việc, nhà tu hành; cơ sở đào tạo tôn giáo, lớp bồi dưỡng về tôn giáo.

- Chương VI. Hoạt động tôn giáo; hoạt động tôn giáo có yếu tố nước ngoài; hoạt động trong lĩnh vực xuất bản, giáo dục, y tế, bảo trợ xã hội, từ thiện, nhân đạo của tổ chức tôn giáo, gồm 13 điều (từ Điều 39 đến Điều 51) quy định về hoạt động tôn giáo; hoạt động xuất bản, giáo dục, y tế, bảo trợ xã hội, từ thiện, nhân đạo của tổ chức tôn giáo.

- Chương VII. Tài sản thuộc cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, gồm 04 điều (từ Điều 52 đến Điều 55) quy định về quản lý, sử dụng tài sản thuộc cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo; đất tín ngưỡng, đất tôn giáo; cải tạo, nâng cấp, bảo quản, tu bổ, phục hồi, xây dựng mới công trình tín ngưỡng, công trình tôn giáo, công trình phụ trợ; di dời công trình tín ngưỡng, công trình tôn giáo.

- Chương VIII. Quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo, gồm 04 điều (từ Điều 56 đến Điều 59) quy định về nội dung quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo; thẩm quyền quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo; kiểm tra chuyên ngành về tín ngưỡng, tôn giáo và khiếu nại, tố cáo, khởi kiện về tín ngưỡng, tôn giáo.

- Chương IX. Điều khoản thi hành, gồm 02 điều (từ Điều 60 đến Điều 61) quy định về hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2027; giao Chính phủ quy định chi tiết 34 điều của Luật và quy định các biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật; quy định về điều khoản chuyển tiếp.

2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

- Phạm vi điều chỉnh: Luật quy định về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo; tổ chức tôn giáo; quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, cá nhân có liên quan đến hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo.

- Đối tượng áp dụng: Cơ quan; tổ chức, cộng đồng dân cư, cá nhân trong việc bảo đảm và thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo.

3. Quyền và nghĩa vụ cơ bản của cá nhân, tổ chức thuộc phạm vi đối tượng áp dụng

a) Quyền của cá nhân, tổ chức

- Về quyền của cá nhân:

+ Điều 9 của Luật quy định: Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Mỗi người có quyền bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo; thực hành lễ nghi tín ngưỡng, tôn giáo; tham gia lễ hội; học tập và thực hành giáo lý, giáo luật tôn giáo. Mỗi người có quyền vào tu tại cơ sở tôn giáo, học tại cơ sở đào tạo tôn giáo, lớp bồi dưỡng về tôn giáo; người chưa thành niên khi vào tu tại cơ sở tôn giáo, học tại cơ sở đào tạo tôn giáo, lớp bồi dưỡng về tôn giáo phải trên cơ sở tự nguyện và được cha, mẹ hoặc người giám hộ đồng ý. Chức sắc, chức việc, nhà tu hành có quyền thực hiện lễ nghi tôn giáo, giảng đạo, truyền đạo tại cơ sở tôn giáo hoặc địa điểm hợp pháp khác. Người bị tạm giữ, người bị tạm giam, người đang chấp hành hình phạt tù, người đang chấp hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện ma tuý có quyền sử dụng kinh sách, bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo.

+ Đối với người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam, theo quy định tại Điều 10 của Luật: Được Nhà nước Việt Nam tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; được sinh hoạt tôn giáo, tham gia hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo; được sử dụng địa điểm hợp pháp để sinh hoạt tôn giáo tập trung; được mời chức săc, chức việc, nhà tu hành là người Việt Nam thực hiện lễ nghi tôn giáo, giảng đạo; mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài giảng đạo; được vào tu tại cơ sở tôn giáo, học tại cơ sở đào tạo tôn giáo, lớp bồi dưỡng về tôn giáo; được mang theo xuất bản phẩm tôn giáo, đồ dùng tôn giáo để phục vụ nhu cầu sinh hoạt tôn giáo của cá nhân; chức săc, nhà tu hành là người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam được giảng đạo tại cơ sở tôn giáo hoặc địa điểm hợp pháp khác ở Việt Nam.

- Về quyền của tổ chức:

+ Điều 11 của Luật quy định: Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc được hoạt động tôn giáo theo hiến chương, điều lệ và văn bản có nội dung tương tự (gọi chung là hiến chương) của tổ chức tôn giáo; được tổ chức sinh hoạt tôn giáo; được xuất bản kinh sách, xuất bản phẩm khác về tôn giáo; được sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm tôn giáo, đồ dùng tôn giáo; được cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới cơ sở tôn giáo; được nhận tài sản hợp pháp do tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài tự nguyện tặng cho; được thực hiện các quyền khác theo quy định của Luật và quy định khác của pháp luật có liên quan.

+ Đối với tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo, theo quy định tại Điều 12 của Luật: Được tổ chức các cuộc lễ tôn giáo, sinh hoạt tôn giáo, giảng đạo, bồi dưỡng giáo lý; được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử chức việc; được

sửa chữa, cải tạo trụ sở; được hoạt động từ thiện, nhân đạo; được tổ chức đại hội thông qua hiến chương.

- Đối với cộng đồng dân cư: có cơ sở tín ngưỡng là tài sản thuộc sở hữu chung để phục vụ nhu cầu tín ngưỡng của cộng đồng dân cư; được bầu, cử người đại diện hoặc thành viên ban quản lý cơ sở tín ngưỡng; quy định về thời hạn nhiệm kỳ, trách nhiệm, quyền hạn của người đại diện, thành viên ban quản lý cơ sở tín ngưỡng (Điều14); được thực hiện các hoạt động tín ngưỡng tại cơ sở tín ngưỡng và ngoài cơ sở tín ngưỡng (Điều 15); được tổ chức lễ hội tín ngưỡng (Điều 16, 17); quản lý, sử dụng khoản thu từ việc tổ chức lễ hội tín ngưỡng (Điều 18); tổ chức quyên góp, nhận tặng cho của tổ chức, cá nhân hoặc các nguồn khác theo quy định của pháp luật để tạo lập tài sản thuộc cơ sở tín ngưỡng phục vụ hoạt động tín ngưỡng của cộng đồng (Điều 52).

b) Về nghĩa vụ của cá nhân, tổ chức, cộng đồng dân cư

Điều 13 của Luật quy định:

- Tổ chức, cộng đồng dân cư, cá nhân tham gia hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo phải tuân thủ quy định tại Điều 3 của Luật về nguyên tắc hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo.

- Chức sắc, chức việc, nhà tu hành, người đại diện, ban quản lý cơ sở tín ngưỡng có trách nhiệm hướng dẫn tín đồ, người tham gia hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo thực hiện hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo đúng quy định của pháp luật.

4. Nội dung chính sách, quy định mới

a) Chính sách, quy định mới:

Luật đã thể hiện 04 chính sách bao gồm: (1) Xác lập nguyên tắc, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân khi thực hiện hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên không gian mạng; (2) Phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo; (3) Bổ sung biện pháp quản lý nhà nước trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo; (4) Đơn giản hoá thủ tục hành chính và chuyển đổi số trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo.

(1) Điểm mới thứ nhất: Lần đầu tiên thiết lập khuôn khổ pháp lý đối với hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên không gian mạng

Luật đã bổ sung Điều 2 về giải thích từ ngữ khái niệm *“hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên không gian mạng”,* đồng thời, bổ sung quy định trong điều 7 về hành vi bị nghiêm cấm: *“Sử dụng không gian mạng, trí tuệ nhân tạo hoặc công*

nghệ mới để vi phạm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo".

Điều 8 của Luật quy định nguyên tắc khi thực hiện hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên không gian mạng thì các chủ thể có liên quan thực hiện nghĩa vụ thông báo, đăng ký hoặc đề nghị theo các quy định tương ứng của Luật; trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khi hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên không gian mạng; trách nhiệm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và của tổ chức, doanh nghiệp có mạng viễn thông trong việc ngăn chặn các nội dung vi phạm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo.

(2) Điểm mới thứ hai: Về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo

Luật năm 2026 đã chuyển một số thẩm quyền của Bộ Dân tộc và Tôn giáo theo Luật năm 2016 cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, quy định tại các điều 27, 28, 38, 40, 44, 45, 46, 47 nhằm tăng cường phân quyền, phân cấp đảm bảo tổng số thủ tục hành chính bảo đảm cấp bộ chỉ thực hiện không quá 30% tổng số thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý theo tinh thần Nghị quyết số 89/NĐ-CP ngày 05/4/2026 của Chính phủ. Bên cạnh đó, Luật phân định lại các thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cấp xã để phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

(3) Điểm mới thứ ba: Về bổ sung biện pháp quản lý nhà nước trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo

Luật đã kế thừa nhiều quy định còn phù hợp của Luật năm 2016, bên cạnh đó, Luật điều chỉnh, bổ sung cụ thể các điều, khoản, trong đó có những biện pháp quản lý nhà nước, như:

- Bổ sung biện pháp thu hồi văn bản chấp thuận đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung (của cả nhóm là công dân Việt Nam và nhóm người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam), văn bản chấp thuận đăng ký hoạt động tôn giáo và biện pháp đình chỉ chức vụ của chức việc.

- Xác định khung pháp lý đối với hoạt động tín ngưỡng ngoài cơ sở tín ngưỡng. Quy định rõ trách nhiệm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận thông báo hoặc đăng ký tổ chức lễ hội tín ngưỡng.

- Hoàn thiện quy định tiêu chuẩn đối với người đại diện, ban quản lý cơ sở tín ngưỡng và người đại diện, người lãnh đạo tổ chức tôn giáo, tổ chức được cấp đăng ký hoạt động tôn giáo, nhóm người sinh hoạt tôn giáo tập trung.

Cụ thể sửa đổi, bổ sung các điều khoản như sau:

- Những nội dung sửa đổi, hoàn thiện quy định tại các điều: 1, 2, 14, 15, 19, 20, 21, 22, 26, 29, 31, 34, 35, 47, 50, 51, 56, 57, 58. Ngoài ra, Luật chỉnh lý các điều, khoản có liên quan để tạo sự thống nhất trong nội tại Luật.

- Những nội dung bổ sung: Luật bổ sung một số điểm, khoản, điều, cụ thể: giải thích về hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên không gian mạng (khoản 17 Điều 2); nguyên tắc hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo (Điều 3); hợp tác quốc tế trong công tác tín ngưỡng, tôn giáo (Điều 5); hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên không gian mạng (Điều 8); về việc bầu, cử người đại diện cơ sở tín ngưỡng thuộc địa bàn nhiều xã trong một tỉnh và đối với người đại diện cơ sở tín ngưỡng đã được đưa vào Danh mục kiểm kê, xếp hạng di tích (khoản 4 và 6 Điều 14); quy định thông báo và đăng ký hoạt động tín ngưỡng (khoản 2 và khoản 3 Điều 15); biện pháp quản lý nhà nước trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo (Điều 19; Điều 20; Điều 33 và Điều 43); quy định điều kiện thành lập cơ sở đào tạo tôn giáo (Điều 34); quy định về trình độ đào tạo, hình thức đào tạo, phương thức đào tạo của cơ sở đào tạo tôn giáo (Điều 35).

- Những nội dung lược bỏ: Luật lược bỏ các quy định về trình tự, thủ tục, giao cho Chính phủ quy định; lược bỏ quy định về nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo và nguyên tắc hoạt động tín ngưỡng của Luật năm 2016 và bổ sung 01 điều nguyên tắc chung (Điều 3); lược bỏ quy định tại Điều 64 và 65 của Luật năm 2016 để bảo đảm phù hợp, thống nhất với quy định của pháp luật có liên quan.

(4) Điểm mới thứ tư: Về đơn giản hoá thủ tục hành chính và chuyển đổi số trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo

Luật đã sửa đổi, bổ sung một số quy định về thủ tục hành chính và chuyển đổi số tạo thuận lợi hơn cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính về tín ngưỡng, tôn giáo, cụ thể:

- Sửa đổi, bổ sung 07 thủ tục hành chính theo Luật năm 2016, trong đó có 02 thủ tục đăng ký có bổ sung về chủ thể và địa bàn hoạt động (Điều 15), 01 thủ tục đăng ký từ tiền kiểm chuyển sang hậu kiểm (Điều 31) và 04 thủ tục theo hướng đăng ký thay vì đề nghị (Điều 42)

- Sửa đổi, bổ sung 03 thủ tục hành chính theo Luật năm 2016 theo hướng chuyển từ quy định đăng ký thành thông báo: 02 thủ tục tại Điều 15 và 01 thủ tục quy định tại khoản 1 Điều 37.

- Luật bỏ các quy định về trình tự, thủ tục, thành phần hồ sơ, thời hạn thực hiện các thủ tục trong Luật theo hướng giao Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp

để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật. Theo đó, thành phần hồ sơ được cắt giảm (phiếu lý lịch tư pháp) và rút ngắt thời gian xử lý thủ tục hành chính.

- Về chuyển đổi số: Luật đặt ra yêu cầu thực hiện ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong quản lý nhà nước. Hiện nay, Bộ Dân tộc và Tôn giáo đang được Chính phủ giao xây dựng cơ sở dữ liệu về tôn giáo, cùng với đó là cơ chế chia sẻ thông tin liên ngành cũng như việc xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật để ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin đảm bảo nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo.

IV. ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM THỰC HIỆN LUẬT

1. Nguồn nhân lực

Các cơ quan, tổ chức, phân công, bố trí đơn vị, bộ phận, công chức đầu mối thực hiện tiếp nhận, giải quyết các thủ tục hành chính và theo dõi, kiểm tra việc thực hiện hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên không gian mạng và các quy định khác của Luật. Việc thực hiện các nhiệm vụ này sẽ thực hiện trên cơ sở tổ chức bộ máy, biên chế hiện có, không làm phát sinh biên chế.

2. Kinh phí bảo đảm, cơ sở vật chất phục vụ việc thi hành Luật

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị bố trí kinh phí cho việc nâng cấp, quản lý cổng/trang thông tin điện tử, số hóa tài liệu, bố trí trang thiết bị, phương tiện thực hiện quản lý và tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, thực hiện liên thông, kết nối các cơ sở dữ liệu; bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước, bảo đảm cho công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo. Trong quá trình triển khai thi hành Luật, trên cơ sở đánh giá toàn diện thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo và một số yêu cầu kỹ thuật (như lưu trữ thông tin; quản lý, giám sát hoạt động của kênh trực tuyến; giải pháp kỹ thuật để xử lý nội dung vi phạm pháp luật), bảo đảm phù hợp với điều kiện hạ tầng và năng lực ứng dụng công nghệ thông tin tại nhiều địa bàn (vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo), Bộ Dân tộc và Tôn giáo sẽ phối hợp chặt chẽ với Bộ Tài chính và các bộ, ngành có liên quan đánh giá, đề xuất cụ thể kinh phí mà Ngân sách nhà nước phải bố trí cho phù hợp, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

V. DỰ BÁO TÁC ĐỘNG CHÍNH SÁCH ĐẾN NGƯỜI DÂN VÀ XÃ HỘI VÀ MỘT SỐ LƯU Ý KHI THỰC HIỆN LUẬT

Trên cơ sở 04 chính sách, Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2026 sẽ có một số tác động đến cá nhân, tổ chức có liên quan và đến đời sống xã hội như sau:

1. Tác động tích cực

Việc ban hành Luật năm 2026 sẽ góp phần hoàn thiện và hiện đại hóa khung pháp lý về tín ngưỡng, tôn giáo, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với Hiến pháp năm 2013, pháp luật liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo và các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên. Qua đó, tiếp tục bảo đảm và tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người theo quy định của pháp luật.

Luật sẽ tạo cơ sở pháp lý rõ ràng hơn cho việc phân quyền, phân cấp trong quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo; xác định rõ trách nhiệm của từng cấp, từng cơ quan, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, tăng tính chủ động của chính quyền địa phương, rút ngắn thời gian giải quyết công việc, đáp ứng kịp thời nhu cầu chính đáng của tổ chức, cá nhân trong hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo.

Các quy định về hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên không gian mạng, bổ sung các biện pháp quản lý nhà nước và đẩy mạnh chuyển đổi số sẽ giúp nâng cao tính công khai, minh bạch, tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức tiếp cận thông tin, thực hiện thủ tục hành chính và tổ chức các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo hợp pháp; đồng thời hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước nâng cao năng lực theo dõi, giám sát, thống kê, dự báo và xử lý các vấn đề phát sinh trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo.

Việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin và dịch vụ công trực tuyến sẽ góp phần giảm chi phí tuân thủ, tiết kiệm thời gian, công sức cho tổ chức, cá nhân; thúc đẩy chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, phát triển nguồn nhân lực số và nâng cao chất lượng phục vụ của cơ quan nhà nước. Bên cạnh đó, môi trường pháp lý minh bạch, ổn định hơn sẽ góp phần củng cố niềm tin xã hội, tạo điều kiện để các giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp, các nguồn lực của các tín ngưỡng, tôn giáo tiếp tục được phát huy trong đời sống xã hội, đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

Đồng thời, các chính sách được xây dựng trên nguyên tắc không phân biệt giới tính, bảo đảm nam và nữ có cơ hội, điều kiện tham gia và thụ hưởng quyền lợi bình đẳng trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo.

2. Khó khăn, yêu cầu đặt ra

Để triển khai hiệu quả Luật, yêu cầu trước hết là phải rà soát, sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật có liên quan nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật. Đồng thời xây dựng, hoàn thiện các quy định chi tiết và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật, hướng dẫn nghiệp vụ phù hợp với các quy định mới, nhất là các nội dung về phân quyền, phân cấp, chuyển đổi số và quản lý hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên không gian mạng.

Việc thực hiện Luật cũng đặt ra yêu cầu về nguồn lực tài chính, nhân lực và hạ tầng kỹ thuật. Nhà nước cần đầu tư cho hệ thống công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu, dịch vụ công trực tuyến, các giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh mạng. Đồng thời tổ chức đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo để đáp ứng yêu cầu quản lý trong môi trường số và thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được phân cấp, phân quyền.

Đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan, việc chuyển đổi sang phương thức quản lý và thực hiện thủ tục hành chính mới có thể phát sinh nhu cầu thích ứng về nhận thức, kỹ năng và điều kiện kỹ thuật. Đặc biệt là khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và thực hiện các giao dịch điện tử trong hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo.

Bên cạnh đó, quá trình đẩy mạnh chuyển đổi số và mở rộng các hoạt động trên không gian mạng cũng đặt ra những thách thức về bảo vệ dữ liệu, an toàn thông tin, phòng chống tấn công mạng, kiểm chứng thông tin và ngăn ngừa các hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo hoặc không gian mạng để vi phạm pháp luật, gây ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội. Vì vậy, cần có cơ chế kiểm tra, giám sát, phối hợp liên ngành và các biện pháp kỹ thuật phù hợp để bảo đảm vừa tạo thuận lợi cho người dân, tổ chức, cá nhân tín ngưỡng, tôn giáo, vừa giữ vững yêu cầu quản lý nhà nước và bảo đảm lợi ích chung của xã hội.

Nhìn chung, các khó khăn chủ yếu phát sinh trong giai đoạn chuyển tiếp và tổ chức thực hiện. Tuy nhiên, với sự chuẩn bị đầy đủ về thể chế, nguồn lực và hạ tầng kỹ thuật, các tác động tích cực của Luật được dự báo sẽ lớn hơn nhiều so với các chi phí và thách thức đặt ra trong quá trình triển khai.

3. Những nội dung cơ bản cần lưu ý trong quá trình thực hiện

Trước hết, cần quán triệt đầy đủ mục tiêu, quan điểm và tinh thần của Luật. Việc triển khai thi hành Luật phải bảo đảm hài hòa giữa yêu cầu tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người dân với yêu cầu giữ vững an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội và tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước. Các cơ quan, đơn vị và địa phương cần thống nhất nhận thức rằng việc sửa đổi Luật nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo hợp pháp, đồng thời đổi mới phương thức quản lý nhà nước theo hướng công khai, minh bạch, hiện đại và phục vụ người dân tốt hơn.

Thứ hai, cần xây dựng, ban hành đầy đủ các văn bản quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật đảm bảo có hiệu lực thi hành cùng với Luật; rà soát, sửa đổi hoặc bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật. Đồng thời, cần xây dựng các quy trình nghiệp vụ, biểu mẫu và cơ sở dữ liệu dùng chung để phục vụ công tác quản lý nhà nước và giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo.

Thứ ba, cần tổ chức tuyên truyền, phổ biến và tập huấn sâu rộng những nội dung mới của Luật cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở các cấp, các chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ các tôn giáo và Nhân dân nhằm bảo đảm áp dụng Luật thống nhất, đồng bộ trên phạm vi cả nước, hạn chế tình trạng hiểu và vận dụng khác nhau.

Thứ tư, cần đặc biệt quan tâm đến việc thực hiện các nội dung mới về phân quyền, phân cấp, cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số và quản lý nhà nước đối với hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên không gian mạng. Các cơ quan, địa phương cần chuẩn bị đầy đủ nguồn lực, hạ tầng kỹ thuật, cơ sở dữ liệu và đội ngũ cán bộ, công chức để triển khai hiệu quả các quy định mới; đồng thời tăng cường phối hợp giữa các cơ quan và địa phương liên quan nhằm bảo đảm sự thống nhất, thông suốt từ trung ương đến địa phương.

Thứ năm, cần đẩy mạnh đối thoại, lắng nghe và kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện; phát huy vai trò tích cực của các tổ chức, cá nhân tín ngưỡng, tôn giáo trong các hoạt động an sinh xã hội, giáo dục, y tế, bảo vệ môi trường và phát triển cộng đồng; đồng thời chủ động cung cấp thông tin khách quan, đầy đủ về chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo của Việt Nam nhằm nâng cao hiệu quả công tác thông tin đối ngoại và đối ngoại tôn giáo.

VI. TRIỂN KHAI THI HÀNH LUẬT

Bộ Dân tộc và Tôn giáo đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2026. Sau khi Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định ban hành Kế hoạch nêu trên, các bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương sẽ triển khai các nhiệm vụ chủ yếu sau:

1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thi hành Luật và các văn hướng dẫn thi hành Luật

Bộ Dân tộc và Tôn giáo chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và các cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình khác biên soạn tài liệu tuyên truyền, phổ biến; tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng; hướng dẫn triển khai thi hành Luật và các văn bản quy định chi tiết. Đối tượng tuyên truyền, phổ biến là cán bộ, công chức, viên chức; chức sắc, chức việc, tín đồ các tôn giáo và Nhân dân; các tổ chức, cá nhân người nước ngoài liên quan.

2. Tổ chức tập huấn chuyên sâu, bồi dưỡng nghiệp công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo

Bộ Dân tộc và Tôn giáo chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo về nội dung mới của Luật, nghiệp vụ quản lý nhà nước, hướng dẫn giải quyết thủ tục hành chính, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quá trình thi hành Luật.

3. Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo

Các bộ, cơ quan ngang bộ và Uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến Luật thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước được phân công; thực hiện theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật bảo đảm phù hợp với quy định của Luật và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành có liên quan.

4. Xây dựng Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật

Luật giao Chính phủ quy định chi tiết 34 điều, bên cạnh đó nhiều nội dung cần hướng dẫn để đảm bảo Luật đi vào cuộc sống. Bộ Dân tộc và Tôn giáo chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tham mưu Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật đảm bảo chất lượng, đúng tiến độ, theo quy định của pháp luật, có hiệu lực thi hành cùng với Luật (ngày 01/01/2027).

5. Xây dựng Cơ sở dữ liệu tôn giáo phục vụ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo và công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo; đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo.

6. Tổ chức theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết việc thi hành Luật và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành. Qua đó, kịp thời đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thi hành Luật.

Việc triển khai đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ nêu trên sẽ góp phần đưa Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2026 nhanh chóng đi vào cuộc sống, phát huy đầy đủ giá trị và ý nghĩa của Luật, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước và hội nhập quốc tế trong giai đoạn mới.

Nguồn link: **https://bdttg.gov.vn/uy-ban-dan-toc-voi-bo-nganh/gioi-thieu-luat-tin-nguong-ton-giao-nam-2026.htm**